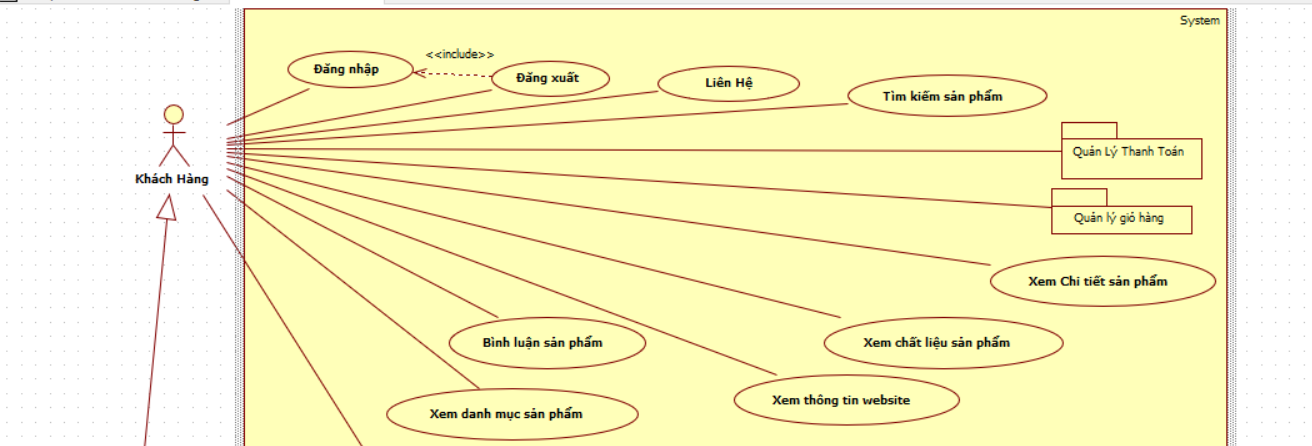
## **1. Sơ đồ usecase**



**Mô tả use case đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Đăng nhập |
| ID | 01 |
| Tác nhân chính | Admin, user. |
| Phạm vi | Admin, user truy cập vào website bán đồ nội thất. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép Admin, user đăng nhập vào website quản trị.  -Ngăn chặn các truy cập không cho phép vào hệ thống nếu không có tài khoản. |
| Điều kiện | Hệ thống ở trạng thái hoạt động và người dùng có tài khoản. |
| Các luồng sự kiện | A1. Truy cập vào webstite http://localhost/shopbanhang/. A2. Chọn nút Đăng Nhập bên trái màn hình, Form đăng nhập hiển thị ra yêu cầu nhập tên đăng nhập và mật khẩu sau đó chọn “Đăng nhập”. A3. Hệ thống sẽ tiến hành kiểm tra. Nếu không hợp lệ thì thực hiện lại luồng sự kiện B1. A4. Hợp lệ thì sẽ hệ thống sẽ hiển thị trang quản trị ra. Luồng sự kiện phụ: B1. Nếu nhập sai thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo. |

**Mô tả use case đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Đặt hàng |
| ID | 02 |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Phạm vi | Khách hàng truy cập vào website và chọn sản phẩm cần mua |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này thực hiện khi khách hàng muốn mua sản phẩm từ website. Hệ thống sẽ lưu đơn đặt hàng này. |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động. Khách hàng đã đăng nhập tài khoản. |
| Các luồng sự kiện | 1. Khách hàng truy cập vào website. 2. Hệ thống hiển thị ra các sản phẩm. 3. Chọn sản phẩm cần mua.  3.1 có thê chọn thêm vào giỏ hàng trực tiếp trên sản phẩm. 4. Hệ thống sẽ hiển thị chi tiết sản phẩm. 5. Nếu khách hàng chọn “Thêm vào giỏ” thì hệ thống sẽ hiển thị form đi đến giỏ hàng và thêm sản phẩm đó vào giỏ hàng. 6. Thông tin chi tiết giỏ hàng sẽ được hiển thị ở trang giỏ hàng bao gồm: hình ảnh , tên, giá tiền, số lượng và tổng tiền của sản phẩm đó. 7. Khách hàng có thể chọn chức năng trở về trang chủ để mua tiếp, cập nhật giỏ hàng, xóa sản phẩm, tính mã giảm giá, thanh toán. Nếu khách hàng chọn chức năng trở về trang chủ thì thực hiện lại bước 3. Hoặc chọn chức năng cập nhật, tính mã giảm giá hoặc xóa sản phẩm thực hiện bước 6. |

**Mô tả use case thêm sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Thêm sản phẩm |
| ID | 03 |
| Tác nhân chính | Admin. |
| Phạm vi | Người quản trị thêm sản phẩm đăng nhập vào website quản trị và chọn thêm sản phẩm trong mục quản lý sản phẩm. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị thêm sản phẩm vào  website |
| Điều kiện | Hệ thống ở trạng thái hoạt động và quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong danh mục “Quản lý Sản phẩm” chọn chức năng “Thêm sản phẩm”. A3. Hệ thống sẽ hiển thị form thêm sản phẩm. A4. Người quản trị tiến hành nhập các thông tin về sản phẩm cần thêm vào các ô tương ứng và chọn nút thêm sản phẩm. A5. Hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin mà người quản trị nhập vào. Nếu không hợp lệ thì thực hiện luồng sự kiện B1.  A6. Nếu hợp lệ thì hệ thống sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu, thông báo “thêm sản phẩm thành công” và hiển thị form thêm sản phẩm. Luồng phụ B1: 1. Hệ thống thống báo thông tin không hợp lệ. 2. Hiển thị form nhập thông tin sản phẩm. 3. Người quản trị thực hiện lại bước A4. |

**Mô tả use case sửa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Sửa sản phẩm |
| ID | 04 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị và chọn tren danh mục quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút sửa sản phẩm. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị sửa thông tin sản phẩm |
| Điều kiện | Hệ thống ở trạng thái hoạt động và quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong danh mục “Quản lý sản phẩm” chọn danh sách sản phẩm. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form danh sách các sản phẩm. A4. Người quản trị tìm và chọn nút sản phẩm cần sửa. A5. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin sản phẩm. A6. Người quản trị tiến hành sửa thông tin cần thiết. A7. Hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin mà người quản trị đã chỉnh sửa. Nếu không hợp lệ thì thực hiện luồng sự kiện B1. A8. Nếu hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách sản phẩm và lưu vào cơ sở dữ liệu thông báo “Cập nhật sản phẩm thành công”. Luồng phụ B1: 1. Hệ thống thống báo thông tin không hợp lệ. 2. Hiển thị form nhập thông tin sản phẩm. 3. Người quản trị thực hiện lại bước A6. |

**Mô tả use case xóa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Xóa sản phẩm |
| ID | 05 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên danh mục quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút xoá sản phẩm. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị xoá thông tin sản phẩm |
| Điều kiện | Hệ thống ở trạng thái hoạt động và quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong danh mục “Quản Lý sản phẩm” chọn danh sách sản phẩm. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form danh sách các sản phẩm. A4. Người quản trị tìm và chọn sản phẩm cần xóa. A5. Hệ thống sẽ hỏi bạn có muốn xóa sản phẩm này không? A6. Nếu chọn OK thì hệ thống sẽ xóa sản phẩm ra khỏi danh sách. A7. Nếu chọn Cancel thì sẽ quay lại danh sách. |

**Mô tả use case thêm danh mục**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Thêm danh mục |
| ID | 06 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên danh mục quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút Thêm danh mục |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này thực hiện khi người quản trị muốn thêm danh mục mới vào website |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động và người quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong “Quản lý danh mục” chọn chức năng “Thêm danh mục”. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form thêm danh mục. A4. Người quản trị tiến hành nhập các thông tin về danh mục và chọn nút “thêm danh mục”. A5. Hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin mà người quản trị nhập vào. Nếu không hợp lệ thì thực hiện luồng sự kiện B1. A6. Nếu hợp lệ thì hệ thống sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển form thêm danh mục.  Luồng phụ B1: 1. Hệ thống thống báo thông tin không hợp lệ. 2. Hiển thị form nhập thông tin danh mục. 3. Người quản trị thực hiện lại bước A4. |

**Mô tả use case sửa danh mục**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Sửa danh mục |
| ID | 04 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên danh mục quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút Sửa danh mục. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị sửa thông tin danh mục |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động và người quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong “Quản lý Danh mục” chọn danh sách danh mục. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form danh sách các danh mục. A4. Người quản trị tìm và chọn danh mục cần sửa. A5. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin danh mục. A6. Tiến hành sửa thông tin cần thiết. A7. Hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin mà người quản trị đã chỉnh sửa. Nếu không hợp lệ thì thực hiện luồng sự kiện B1. A8. Nếu hợp lệ thì hệ thống sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị form danh sách danh mục. Luồng phụ B1: Hệ thống thống báo thông tin không hợp lệ. Hiển thị form nhập thông tin danh mục. Người quản trị thực hiện lại bước A6. |

**Mô tả use case xóa danh mục**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Xóa danh mục |
| ID | 05 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên danh mục quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút Xoá danh mục. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị Xoá danh mục. |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động và người quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong “Quản lý danh mục” chọn danh sách danh mục. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form danh sách các danh mục. A4. Người quản trị tìm và chọn danh mục cần xóa. A5. Hệ thống sẽ hỏi bạn có muốn xóa danh mục này không? A6. Nếu chọn OK thì hệ thống sẽ xóa danh mục ra khỏi danh sách. A7. Nếu chọn Cancel thì sẽ huỷ thao tác xoá và quay lại danh sách |

**Mô tả use case thêm chất liệu**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Thêm chất liệu |
| ID | 06 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên chất liệu quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút Thêm chất liệu |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này thực hiện khi người quản trị muốn thêm chất liệu mới vào website |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động và người quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong “Quản lý chất liệu” chọn chức năng “Thêm chất liệu”. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form thêm chất liệu. A4. Người quản trị tiến hành nhập các thông tin về chất liệu và chọn nút “thêm chất liệu”. A5. Hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin mà người quản trị nhập vào. Nếu không hợp lệ thì thực hiện luồng sự kiện B1. A6. Nếu hợp lệ thì hệ thống sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển form thêm chất liệu.  Luồng phụ B1: 1. Hệ thống thống báo thông tin không hợp lệ. 2. Hiển thị form nhập thông tin danh mục. 3. Người quản trị thực hiện lại bước A4. |

**Mô tả use case sửa chất liệu**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Sửa chất liệu |
| ID | 04 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên chất liệu quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút Sửa chất liệu. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị sửa thông tin chất liệu |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động và người quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong “Quản lý chất liệu” chọn danh sách chất liệu. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form danh sách các chất liệu. A4. Người quản trị tìm và chọn chất liệu cần sửa. A5. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin chất liệu. A6. Tiến hành sửa thông tin cần thiết. A7. Hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin mà người quản trị đã chỉnh sửa. Nếu không hợp lệ thì thực hiện luồng sự kiện B1. A8. Nếu hợp lệ thì hệ thống sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị form danh sách chất liệu. Luồng phụ B1: Hệ thống thống báo thông tin không hợp lệ. Hiển thị form nhập thông tin chất liệu. Người quản trị thực hiện lại bước A6. |

**Mô tả use case xóa chất liệu**

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | Xóa chất liệu |
| ID | 05 |
| Tác nhân chính | Admin, Nhân viên. |
| Phạm vi | Người quản trị đăng nhập vào website quản trị, chọn trên chất liệu quản lý sản phẩm và click vào danh sách sản phẩm, bấm nút Xoá chất liệu. |
| Mô tả ngắn gọn | Usecase này cho phép người quản trị Xoá chất liệu. |
| Điều kiện | Hệ thống đang trong trạng thái hoạt động và người quản trị phải đăng nhập thành công. |
| Các luồng sự kiện | A1. Đăng nhập thành công. A2. Trong “Quản lý chất liệu” chọn danh sách chất liệu. A3. Hệ thống sẽ hiện thị form danh sách các chất liệu. A4. Người quản trị tìm và chọn chất liệu cần xóa. A5. Hệ thống sẽ hỏi bạn có muốn xóa chất liệu này không? A6. Nếu chọn OK thì hệ thống sẽ xóa chất liệu ra khỏi danh sách. A7. Nếu chọn Cancel thì sẽ huỷ thao tác xoá và quay lại danh sách |